

VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIÊU THỤ NÔNG SẢN HÀNG HOÁ THÔNG QUA HỢP ĐỒNG

LÃ VĂN LÝ

Cục trưởng cục HTX & PTNT - Bộ NN&PTNT

1. Khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng nhằm tạo ra phương thức làm ăn mới trong cơ chế thị trường, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và phát triển hợp tác xã (HTX) theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24-6-2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng là chính sách mới của Nhà nước ta.

Qua thực hiện từ năm 2002 đến nay, nhiều doanh nghiệp (DN) thuộc mọi thành phần kinh tế đã chủ động kí kết hợp đồng tiêu thụ nông, lâm sản với người sản xuất. Bước đầu, phương thức tổ chức sản xuất - tiêu thụ mới này đang từng bước hình thành và đi vào cuộc sống, tạo ra sự gắn bó DN với người sản xuất, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững theo định hướng thị trường. Nhiều mặt hàng nông, lâm sản như lúa, mía, bông, sữa, muối, thuốc lá, chè, cà phê, rau quả, sản phẩm chăn nuôi... đã được các tổng công ty (TCT) và các DN kí hợp đồng tiêu thụ với hộ nông dân. TCT Lương thực miền Bắc, TCT Lương thực miền Nam và một số DN khác đã kí kết hợp đồng tiêu thụ lúa với hàng ngàn hộ nông dân. Diện tích lúa được kí kết hợp đồng tiêu thụ nông sản năm 2002 mới chỉ có 44 ngàn ha, năm 2003, 2004 đã tăng lên 150 ngàn ha/1 năm. Diện tích lúa được kí kết hợp đồng tiêu thụ chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long (trên 110 ha), đồng bằng sông Hồng khoảng 30-35 ngàn ha. Hàng năm, các DN

thành viên TCT Lương thực miền Bắc đã thu mua khoảng 250-300 ngàn tấn lúa của nông dân thông qua hợp đồng. Các đơn vị thành viên TCT Lương thực miền Nam đã kí hợp đồng tiêu thụ với hộ nông dân với tổng diện tích lên tới 44 ngàn ha năm 2003 và 36,4 ngàn ha năm 2005... Các DN khác như Nông trường Cờ Đỏ, Nông trường Sông Hậu hàng năm cũng đã kí hợp đồng tiêu thụ lúa với diện tích từ 5.000-7.000ha. Trong 3 niên vụ vừa qua, tổng số diện tích mía được kí hợp đồng đầu tư và hợp đồng tiêu thụ trong cả nước khoảng 150-170 ngàn ha hàng năm, chiếm từ 65-70% diện tích mía trong vùng nguyên liệu các nhà máy. TCT Mía đường I đã kí kết hợp đồng với 9.812 hộ/nhóm hộ, 13 HTX với tổng diện tích lên đến 12.068 ha và tổng số vốn đầu tư ứng trước lên tới 39,84 tỉ đồng. Sản lượng mía thu mua qua hợp đồng tăng 62,4%. Tính chung, sau 3 năm thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg, diện tích mía kí hợp đồng của TCT tăng 12,5%, sản lượng tăng 42,7%, vốn đầu tư ứng trước cho nông dân tăng 31%, tỉ lệ nợ đọng giảm từ 9,5% xuống còn 2,5%. Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) đã kí kết hợp đồng thu mua sữa bò tươi trực tiếp với các hộ nông dân, các HTX, các đơn vị kinh doanh và các đại lý trung chuyển. Công ty đã đúc kết, rút kinh nghiệm qua mỗi năm nên số hợp đồng được kí kết hàng năm có xu hướng tăng lên, các điều khoản trong hợp đồng ngày một hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia, góp phần phát triển đàn bò sữa, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Trong hai năm 2003,

2004, Công ty đã kí được 4.734 hợp đồng với sản lượng thu mua đạt 172,1 ngàn tấn. Từ tháng 6-2002 đến 2004, các đơn vị thành viên của TCT Muối đã thu mua sản lượng muối thông qua hợp đồng từ 37,7 ngàn tấn năm 2002 lên 127,4 ngàn tấn năm 2004. TCT Chè Việt Nam, trực tiếp là các công ty thành viên đã trực tiếp kí hợp đồng với các hộ nông dân theo hình thức nhóm hộ. Thông qua hợp đồng, các đơn vị đã kí kết bao tiêu sản phẩm cho nông dân, đồng thời cung ứng vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo chất lượng theo phương thức “bán vật tư, mua sản phẩm chè búp tươi”. Giá cả thoả thuận của hai bên theo từng thời điểm cụ thể, có sự xác nhận của chính quyền cấp xã. Qua đó, các đơn vị có trách nhiệm tư vấn đưa thiết bị khoa học - kĩ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng phẩm, giúp đỡ về quy trình kĩ thuật, đầu tư chăm sóc và cách thu hái đảm bảo đúng phẩm-cấp chất lượng nguyên liệu. Các đơn vị thành viên của TCT Lâm nghiệp Việt Nam đã kí kết hợp đồng kinh tế trồng rừng với từng hộ nông dân theo 3 mô hình: quỹ đất do DN trực tiếp quản lý; quỹ đất của lâm trường và địa phương quản lý; quỹ đất thuộc quyền quản lý của các hộ nông dân đã được cấp quyền sử dụng. Thông qua các mô hình này, từ năm 2002-2004, số diện tích trồng rừng được kí hợp đồng là 691.721 ha, sản phẩm được kí là 35.989.600 m³ gỗ, số vốn đầu tư ứng trước là 5.015.074 triệu đồng...

Nhìn chung, qua hơn 3 năm triển khai thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg, nhiều DN đã triển khai thực hiện tốt việc kí kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; bước đầu đã gắn được trách nhiệm, quyền lợi của mỗi bên trong việc thực hiện hợp đồng, gắn sản xuất và chế biến, tạo ra vùng nguyên liệu ổn định cho chế biến xuất khẩu. Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ra đời cũng đã mở ra hướng đi đúng đắn cho các DN, người sản xuất cũng như ngành nghề nông nghiệp, từng bước làm thay đổi nhận thức của DN và hộ nông dân trong sản xuất, chế biến,

tiêu thụ nông sản. Các DN đã xác định được quyền lợi, trách nhiệm cụ thể đối với người sản xuất, ngược lại, các hộ nông dân đã bước đầu ý thức được sự cần thiết phải có sự hỗ trợ về kĩ thuật, bao tiêu sản phẩm ổn định lâu dài từ phía DN. Mặt khác đã tạo được sự gắn kết 4 nhà (nhà nước, nhà nông, nhà DN, nhà khoa học), tạo thêm nguồn lực để phát triển sản xuất nông sản hàng hoá theo hướng thị trường, đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Thông qua hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, nông dân đã biết được lượng vật tư nông nghiệp cần đầu tư, các biện pháp kĩ thuật, giá cả hợp lý, các khoản bảo hiểm nông sản ngay từ đầu vụ sản xuất, do vậy, họ yên tâm, phấn khởi sản xuất, thu nhập từng bước được nâng cao, sản lượng và chất lượng sản phẩm cũng ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Việc tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng với DN cũng đã giúp người nông dân thấy được lợi ích và tự nguyện tham gia vào tổ hợp tác, HTX, qua đó, các nhà DN, nhà khoa học mới có thể đưa các tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dễ dàng, hiệu quả hơn.

2. Tuy nhiên, nhìn chung, tỉ lệ nông sản hàng hoá được thông qua hợp đồng giữa người sản xuất và DN còn rất thấp. Mục tiêu “mở rộng phương thức kí hợp đồng tiêu thụ nông sản để đến năm 2005 có ít nhất 30% số lượng nông sản hàng hoá được tiêu thụ thông qua hợp đồng” như đã nêu tại Điều 7 của Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg chỉ đạt được đối với một số nông sản như mía, bông, sữa, thuốc lá, chè, cao su. Điều đó cho thấy, hình thức hợp đồng chủ yếu chỉ được kí kết ở một số DN và một số ngành, hàng có kinh nghiệm, áp dụng hình thức liên kết thông qua hợp đồng từ nhiều năm trước, với những nông sản được sản xuất ở những vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn và do đặc tính của sản phẩm đòi hỏi phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất và chế biến. Ở nhiều địa phương còn lại, hình thức hợp

đồng hầu như chưa được áp dụng và còn rất xa lạ đối với người sản xuất cũng như DN.

Đối với nhiều hợp đồng tiêu thụ đã được kí kết, tỉ lệ thu hồi sản phẩm theo hợp đồng còn hạn chế, hiện tượng phá vỡ hợp đồng đã trở thành thường xuyên, phổ biến. Ví dụ, tỉ lệ thu hồi sản phẩm đối với nhiều loại rau của TCT Rau quả Việt Nam chỉ đạt dưới 50%, TCT Lương thực miền Nam tỉ lệ thu hồi theo sản phẩm đạt dưới 24% năm 2004. Vấn đề lớn nhất mà các DN và hộ nông dân quan tâm, lo ngại là việc một số DN và hộ nông dân không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã kí kết gây thiệt hại cho đối tác. Một số DN cung ứng vật tư không đúng chất lượng cho nông dân hoặc đưa ra những yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm, khi thu mua giảm giá sản phẩm. Một số ít DN có sự lạm dụng thế độc quyền để ép cấp, ép giá trong thu mua nông sản, thanh toán hợp đồng với người sản xuất còn chậm. Đặc biệt có DN đơn phương phá vỡ hợp đồng với người sản xuất, không quan tâm đầu tư cho vùng nguyên liệu, người dân chưa tin tưởng vào DN.

Đối với nhiều hộ nông dân, tình trạng đáng lo ngại và phổ biến là mặc dù đã kí kết hợp đồng nhận đầu tư ứng trước của DN, nhưng khi giá thị trường biến động, họ sẵn sàng bán nông sản cho tư thương hoặc DN khác với giá cao hơn hoặc có điều kiện hấp dẫn trước mắt khiến các DN gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi nợ đầu tư ứng trước. Bên cạnh đó hình thức hợp đồng được cho là bền vững nhất thông qua liên kết sản xuất (nông dân được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần liên doanh, liên kết với DN hoặc cho DN thuê đất) hầu như chưa được áp dụng.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do:

Thứ nhất, nhiều hộ nông dân chưa có ý thức cao, chưa nắm vững và chưa hiểu rõ tính ràng buộc và trách nhiệm trong việc nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã

cam kết trong hợp đồng đối với DN. Đa số người nông dân có thói quen bán xô, không theo đúng quy định về tiêu chuẩn, chất lượng, vì vậy còn e ngại kí hợp đồng với DN.

Thứ hai, một số DN còn thụ động trong việc kí kết và thực hiện hợp đồng. Khi giá cả biến động, chưa tích cực, chủ động thương thảo, bàn bạc với nông dân để giải quyết. Mặt khác, còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào tác động của chính quyền các cấp. Phần lớn các DN sản xuất - kinh doanh còn thiếu vốn, nhất là vốn lưu động để ứng trước cho người sản xuất, thiếu cán bộ nông vụ, không có mạng lưới thu gom nông sản hàng hoá đến tận người nông dân, do vậy phải thông qua hệ thống tư thương.

Thứ ba, ruộng đất sản xuất của các hộ nông dân còn nhỏ, manh mún, phân tán, nên rất khó khăn cho việc hình thành các vùng hàng hoá nông sản tập trung và kí hợp đồng tiêu thụ trực tiếp, trong khi đó, việc tìm đại diện cho các hộ sản xuất đứng ra kí hợp đồng gặp nhiều khó khăn. Ví dụ, trong niên vụ 2004-2005, Công ty Mía đường Cần Thơ đã phải kí hợp đồng với trên 12.000 hộ nông dân chỉ với 9.500 ha đất.

Thứ tư, thị trường nông sản luôn biến động (cả thị trường trong nước và thế giới) về giá cả cũng như quan hệ cung cầu làm cho các DN ngần ngại trong việc kí hợp đồng cam kết bao tiêu sản phẩm cho người sản xuất. Hơn nữa, sản xuất nông - lâm nghiệp lại gặp nhiều rủi ro, phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết, các yếu tố tự nhiên. Những quy định cụ thể cùng phân chia trách nhiệm do nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến không thực hiện được hợp đồng hoặc hợp đồng chưa cụ thể, chưa rõ ràng nên khi xảy ra khó giải quyết, dễ dẫn đến tranh chấp.

Thứ năm, các quy định trong Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg về các phương thức xử lý khi có tranh chấp hợp đồng chưa có hiệu lực cao, nhất là bên phá vỡ hợp

đồng là người nông dân. Thực tế hiện nay, các DN ngay từ đầu đã phải ứng vốn cho nông dân, nhưng khi biến động về giá cả nông dân không bán sản phẩm cho các đơn vị đã đầu tư, do vậy khả năng bị chiếm dụng vốn luôn là mối lo thường trực của các DN

3. Để thực hiện có hiệu quả chính sách tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng, cần thực hiện tốt các giải pháp:

Một là, xử lý tranh chấp giữa DN và người sản xuất khi phá vỡ hợp đồng. Về nguyên tắc, hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hoá giữa DN với người sản xuất (HTX, hộ nông dân, trang trại, đại diện hộ nông dân) cũng được coi như hợp đồng thương mại. Do vậy, các bên tham gia hợp đồng có thể vận dụng những quy định tại Chương VII về "Chế tài trong thương mại" *Luật Thương mại* được Quốc hội khoá XI thông qua tại kì họp thứ 7 và các văn bản dưới *Luật* này. Như vậy, các quy định của pháp luật hiện hành (theo *Luật Thương mại* hoặc *Bộ luật Dân sự*) có chế tài đủ mạnh để xử lý tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng. Đối với những trường hợp vì nguyên nhân bất khả kháng như thiên tai, hạn hán, lũ lụt... dẫn đến một trong hai bên tham gia hợp đồng kí kết, thông thường là từ phía người nông dân, không thể thực hiện hợp đồng đã kí kết, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các bên thông qua chế độ bảo hiểm, bảo lãnh.

Trong trường hợp người sản xuất (hộ nông dân) phá vỡ hợp đồng, không hoàn trả vốn đầu tư ứng trước của DN thì việc cưỡng chế, thu hồi vốn cũng gặp nhiều khó khăn. Trên thực tế, xử lý tranh chấp thông qua trọng tài hoặc toà án là hình thức cuối cùng, không mong muốn vì chi phí kiện người nông dân ra toà sẽ rất lớn. Do vậy, các DN phải tự phòng vệ trước để tránh hiện tượng phá vỡ hợp đồng xảy ra. Kinh nghiệm thành công của Công ty Đường Lam Sơn cho thấy, các DN phải làm việc với chính quyền xã lựa chọn những hộ nông dân thực sự có năng lực, uy tín, có đủ

khả năng thanh toán vốn ứng trước để kí hợp đồng.

Hai là, về tổ chức chỉ đạo. Các cấp, các ngành, các đoàn thể của từng địa phương phối hợp cùng với đơn vị sản xuất, DN trong vùng tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động để người dân hiểu rõ được nội dung, mục đích của chính sách. Trên cơ sở đó, giúp họ tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng hợp đồng, chú trọng chất lượng và nguyên liệu sản phẩm, xây dựng ý thức hợp tác lâu dài với DN. Các sở, ngành, chính quyền địa phương cần tăng cường hỗ trợ, giám sát việc kí kết hợp đồng giữa DN và nông dân để phát hiện và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện có thể dẫn đến vi phạm hợp đồng. Đặc biệt cần tăng cường vai trò của chính quyền cấp xã trong việc kí kết và thực hiện hợp đồng đã kí. Các địa phương cần tiếp tục tiến hành rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch đất đai, quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp; quy hoạch các vùng nguyên liệu. Chú ý xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung xung quanh nhà máy, phù hợp với cây trồng, vật nuôi, khả năng, tập quán canh tác của nông dân, tận dụng được lợi thế của vùng, tạo điều kiện cho thu mua và chế biến nông sản đạt hiệu quả cao.

UBND các tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với các DN có hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hoá trên địa bàn; đẩy mạnh xây dựng vùng nguyên liệu, đảm bảo phát triển ổn định, bền vững. Khuyến khích các DN xây dựng cơ sở chế biến công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu; lập và triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, như thuỷ lợi phục vụ tưới, tiêu, đường giao thông, điện, hệ thống chợ... Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ cho vùng nguyên liệu, sản xuất hàng hoá tập trung có hợp đồng tiêu thụ nông sản, đồng thời ban hành các chính sách cụ thể khuyến khích kí kết hợp đồng tiêu thụ giữa DN và người nông dân.

(Xem tiếp trang 39).

hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện không đúng chức trách và vi phạm pháp luật. Khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích hoàn thành xuất sắc công việc được giao.

- Đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra chấp hành *Pháp lệnh Cán bộ, công chức; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng chống tham nhũng.*

d. Tài chính công.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý ngân sách theo *Luật Ngân sách nhà nước* cho 100% số xã và các đơn vị trường học trong huyện. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành ngân sách cho cấp xã. Tăng

nguồn thu ổn định cho ngân sách, cân đối thu, chi đáp ứng nhu cầu và triệt để thực hiện tiết kiệm ngân sách, chống thất thoát, lãng phí.

- Từng bước triển khai chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17-10-2005 của Chính phủ; và quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25-4-2006 của Chính phủ □

* * * * *

VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH...

(Tiếp theo trang 31)

Đẩy mạnh công tác “dồn điền, đổi thửa”, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN kí kết hợp đồng. Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân phát triển sản xuất theo mô hình kinh tế trang trại; khuyến khích việc dùng giá trị quyền sử dụng đất góp cổ phần vào các DN. Nghiên cứu tổ chức các liên kết vùng về sản xuất nông nghiệp, xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh trong lĩnh vực tiêu thụ, xuất khẩu hàng nông sản. Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động tư vấn, pháp luật, kĩ thuật chuyên môn, trọng tài kinh tế cho nông dân kí kết các hợp đồng kinh tế với DN. Tăng cường vai trò của các HTX, tổ hợp tác, nhóm hộ đứng trung gian để kí hợp đồng. Chú trọng xây dựng các HTX, tổ hợp tác thành vệ tinh của DN trong việc thu mua và tiêu thụ nông sản trên địa bàn theo hướng chuyên môn hoá sản phẩm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, đồng thời kết hợp với các hình thức tuyên truyền khác để phổ biến rộng rãi về phương thức sản xuất mới này. Mặt

khác, sớm trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ một số giải pháp xử lý những tồn tại về cơ chế chính sách như chế độ bảo hiểm, bảo lãnh hợp đồng, chế tài xử lý tranh chấp đối với các hợp đồng thu mua nông sản... Nghiên cứu phát triển hình thức mua bán hiện đại như thị trường giao dịch, quyền mua, quyền bán... đối với nông sản hàng hoá. Đầu tư thành lập hệ thống thông tin thị trường, chợ nông sản, giá sản phẩm. Đẩy mạnh chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ lưu thông, phân phối. Giúp đỡ, tạo điều kiện cho người sản xuất kí hợp đồng tiêu thụ nông sản phẩm được đầu tư để vay vốn phát triển sản xuất; nghiên cứu thí điểm áp dụng hợp đồng được kí là văn bản tín chấp để được vay vốn. Quỹ hỗ trợ phát triển cải tiến thủ tục vay vốn để các cơ sở thuộc diện được vay vốn tiêu thụ nông sản cho người sản xuất được vay thuận lợi. Đồng thời, tăng mức vốn vay ưu đãi từ quỹ hỗ trợ phát triển để đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, tiêu thụ nông sản hàng hoá. Đặc biệt, cần có chính sách ưu đãi cụ thể đối với các vùng cao, vùng xa □